

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HS-ST

Ngày: 07/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Minh Trang

- Bà Bùi Thị Quy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hà -Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhuận và Phùng Văn Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/HSST-QĐ ngày 31/8/2021 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 28/2021/TB-TA ngày 31/8/2021 đối với các bị cáo:

1. **Vũ Thị L**, Sinh năm: 1963; Nơi ĐKKHKT: số 43/19 đường H, phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Vũ Văn T (đã chết) và bà Nhữ Thị N; Gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là thứ 2; Chồng: Nguyễn Văn Thắng (Đã chết); Bị cáo có 06 con (một con đã mất), lớn sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 1993.

- Tiền sự: Chưa.

- Tiền án:

+ Ngày 29/4/2014, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 05/4/2015.

+ Ngày 26/5/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 30/8/2019.

- Nhân thân:

+ Ngày 23/4/2001, Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng.

+ Ngày 28/3/2003, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt ngày 22/12/2008.

- Bị cáo tạm giữ từ ngày 16/5/2021 đến ngày 19/5/2021 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thị D**, Sinh năm: 1959; Nơi ĐKHKTT: 8/13 khu 11, T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 1/10 ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn T1(Đã chết) và bà Phạm Thị T2 (Đã chết); Gia đình bị cáo có 05 anh em (chết 1), bị cáo là con thứ hai; Chồng là anh Vũ Văn Thủy (Đã chết); Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1982, nhỏ sinh năm 1986.

- Tiền án, tiền sự: chưa.

- Nhân thân:

+ Ngày 09/5/2000, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản công dân, tài sản bị chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng.

+ Ngày 04/3/2009, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tài sản bị chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng.

+ Ngày 30/01/2014, Công an huyện C, tỉnh Hải Dương xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong.

- Bị cáo tạm giữ từ ngày 16/5/2021 đến ngày 19/5/2021 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Đinh Thị M**, Sinh năm: 1975; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKHKTT: khu 3, phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đinh Quang Tính (Đã chết) và con bà Đoàn Thị Thìn ; Gia đình bị cáo có 05 anh em, bị cáo là con thứ ba; Chồng: anh Nguyễn Văn Tú, sinh năm 1970; Có 01 con sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: chưa.

- Bị cáo tạm giữ từ ngày 16/5/2021 đến ngày 19/5/2021 chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Chị Lê Thị Kim O, sinh năm 2001

Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo M: Bà Nguyễn Thị Ung – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở tư pháp tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: 113 T, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Có mặt

* *Người làm chứng:*

+ Chị Vũ Thị T4, sinh năm 2002

Trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Trương Văn B, sinh năm 1979

Trú tại: Thôn S, xã M, huyện B, TP Hà Nội.

Đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài L có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 16/5/2021, do có mục đích trộm cắp tài sản nên Vũ Thị L nhờ anh Trương Văn B sinh năm 1979, trú quán thôn S, xã M, huyện B, thành phố Hà Nội chở sang khu vực chợ Hóp thuộc địa phận thôn T6, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương (*anh B không biết mục đích của L*). Đến cổng chợ Hóp, L gặp và đứng nói chuyện với Nguyễn Thị D, Đinh Thị M. Lúc này, chị Vũ Thị T4 sinh năm 2002 điều khiển xe máy điện chở chị Lê Thị Kim O sinh năm 2001, đều trú tại thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương đi qua. Thấy chị O vừa dứt chiếc điện thoại vào túi xách màu vàng đang đeo sau lưng thì L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L gạt đầu ra hiệu, D và M hiểu ý nên áp sát 02 bên chị O che đậy người khác không nhìn thấy, L ở phía sau lén lút thò tay vào túi xách của chị O lấy chiếc điện thoại trên đưa cho M. Sau khi cầm chiếc điện thoại, M bóc vỏ ốp điện thoại vứt đi, lấy tờ 5.000 đồng (sau lưng ốp) rồi đi ra ngoài cổng chợ. Khi M đưa chiếc điện thoại cho D thì bị lực lượng công an xã N phối hợp với Công an huyện N bắt quả tang thu giữ trên tay D 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7Plus màu đen, thu giữ của M 01 tờ mệnh giá 5.000 đồng và 01 xe moto nhãn hiệu Wave alpha màu xanh tím biển kiểm soát 34M7-4790, thu giữ của anh Trương Văn B 01 xe moto nhãn hiệu Attila SYM màu trắng mang biển kiểm soát 35B1-873.56.

Tại Kết luận định giá số 13/KLĐG ngày 17/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân huyện N: Tại thời điểm tháng 5/2021, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus màu đen D lượng 32G, Imei 355375083639705 có giá 4.233.333 đồng. 01 ốp điện thoại bằng nhựa trong suốt có giá 18.333 đồng. Tổng giá trị tài sản: 4.251.666 đồng, làm tròn 4.252.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 30/CT-VKS-NS ngày 27/7/2021, Viện kiểm sát nhân huyện N, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Vũ Thị L về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị D và Đinh Thị M về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Về vật chứng: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7Plus, 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng đã được trả lại cho bị hại là chị Lê Thị Kim O; 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha biển kiểm soát 34M7-4790 đã được trả lại cho Đinh Thị M; 01 xe mô tô nhãn hiệu Attila SYM biển kiểm soát 35B1-873.56 đã được trả lại cho anh Trương Văn B.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người bào chữa cho bị cáo M là bà Nguyễn Thị Ứng có quan điểm nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện viện kiểm sát tuy nhiên người bào chữa cho rằng bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; chồng bị cáo ốm đau liên tục; bị cáo phải nuôi mẹ già; gia đình thuộc hộ nghèo; bị cáo lại là lao động chính trong gia đình nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo với mức án thấp nhất và đề nghị miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Thị L, Nguyễn Thị D và Đinh Thị M phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt: căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s, h khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Bộ luật hình sự đối với bị cáo L; căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo D, M (thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo M); đề nghị: Xử phạt bị cáo Vũ Thị L từ 25 đến 28 tháng tù. Thời hạn tính từ ngày tạm giữ 16/5/2021; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 9 đến 11 tháng tù; thời hạn tính từ ngày tạm giữ 16/5/2021; xử phạt bị cáo Đinh Thị M từ 7 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng thời hạn tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Đinh Thị M cho UBND phường Nhị Châu, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.*Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo;* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về vật chứng: Không phải giải quyết; Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Vũ Thị L và Nguyễn Thị D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở Nội dung vụ án, căn cứ vào các tài L trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, VKSND huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Vũ Thị L, Nguyễn Thị D và Đinh Thị M tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài L khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 16 giờ 30 phút ngày 16/5/2021, tại khu vực trước cổng chợ Hóp thuộc địa phận thôn T6, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương, Vũ Thị L, Nguyễn Thị D, Đinh Thị M có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Lê Thị Kim O sinh năm 2001, trú quán thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus trị giá 4.252.000 đồng và số tiền 5.000 đồng bị phát hiện bắt quả tang. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.257.000 đồng. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng do mục đích để có tiền tiêu xài bị cáo vẫn cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.257.000 đ nên hành vi của các bị cáo D, M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo L đã tái phạm nguy hiểm (chưa được xóa án tích) nay lại phạm tội với lỗi cố ý về hành vi chiếm đoạt nên hành vi chiếm đoạt này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ Luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Trong vụ án các bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ. Tuy nhiên, vụ án có nhiều bị cáo phạm tội, nên cần đánh giá vai trò, vị trí, tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp. Bị cáo L là người đề xuất, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt do đó, được xác định là người giữ vai trò chính; bị cáo D và M khi được L ra hiệu đã hiểu ý và tiếp nhận ý chí của L và là những người trực tiếp cảnh giới, che chắn cho L để tránh bị phát hiện nên giữ vai trò đồng phạm giúp sức. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ có mức hình phạt tương xứng với từng hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo; Bị hại xin giảm nhẹ hình

phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phạm tội do có mục đích chiếm đoạt từ trước. Các bị cáo L và D đều đã bị Tòa án kết án về các hành vi chiếm đoạt tài sản và đều bị cơ quan công an xử phạt vi phạm hành chính nhưng các bị cáo đã không lấy đó là bài học kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội nên xác định là người có nhân thân xấu nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Trong vụ án này, bị cáo L là người giữ vai trò chính và phải chịu tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 nên cần có mức hình phạt cao nhất. Bị cáo D và M là đồng phạm với vai trò giúp sức, trong đó M khi được L đưa tài sản chiếm đoạt được đã trực tiếp cất giấu tránh bị phát hiện còn D lại là người có nhân thân xấu do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt ngang bằng nhau để đảm bảo sự công bằng giữa các bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo M là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Mặt khác bị cáo hiện đang ở cùng mẹ già lại thuộc hộ nghèo nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại **khoản 5 Điều 173** Bộ luật hình sự các bị cáo có thể chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định, bị cáo M lại thuộc hộ nghèo do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Lê Thị Kim O có đơn xin xét xử vắng mặt, chị O đã nhận lại tài sản nay không còn yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy, HĐXX không xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus màu đen D lượng 32G, Imei 355375083639705 và tờ tiền mệnh giá 5000đ cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N đã trả lại cho chị O là chủ sở hữu. Chiếc xe mô tô BKS 34M7 -4790 là tài sản thuộc sở hữu của Đinh Thị M, không phải công cụ, phương tiện phạm tội và chiếc xe mô tô BKS 35B1 -

87356 của anh Trương Văn B, anh B dùng chiếc xe chở L đi, anh B không biết L và đồng phạm trộm cắp tài sản Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện N đã trả lại cho bị cáo Đinh Thị M và anh Trương Văn B là phù hợp do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Anh Trương Văn B chở bị cáo L đến khu chợ Hóp tuy nhiên B không biết bị cáo L cùng đồng phạm trộm cắp tài sản nên không có căn cứ để xử lý là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; Đối với bị cáo M do thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s, h khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Bộ luật hình sự đối với bị cáo L; căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo D, M (thêm điểm i khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo M); Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Thị L, Nguyễn Thị D và Đinh Thị M phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Vũ Thị L 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 16/5/2021

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 16/5/2021

Xử phạt bị cáo Đinh Thị M 08 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đinh Thị M cho UBND phường Nhị Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Vũ Thị L và Nguyễn Thị D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo M.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT-CA huyện N;
- CQTHAHS-CA huyện N
- Chi cục THADS huyện N;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- UBND phường Nhị Châu, TPHD;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Diệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đắc Quýnh Lê Quang Hoàng

Đoàn Thị Diệp

